

Số: 732/QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 24 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của
dự án Trang trại nuôi heo nái sinh sản tại xã Bưng Riềng,
huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết,
hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến
lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi
hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc
môi trường;*

*Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi
trường của dự án Trang trại nuôi heo nái sinh sản tại xã Bưng Riềng, huyện
Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu họp ngày 28 tháng 4 năm 2020;*

*Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Trang trại
nuôi heo nái sinh sản tại xã Bưng Riềng, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng
Tàu đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 13/2021/CV-ĐTT ngày 01
tháng 3 năm 2021 của Công ty TNHH MTV Đức Toàn Tâm;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
1195/TTr-STNMT ngày 11 tháng 3 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự
án Trang trại nuôi heo nái sinh sản tại xã Bưng Riềng, huyện Xuyên Mộc do
Công ty TNHH MTV Đức Toàn Tâm làm chủ đầu tư (sau đây gọi là Chủ đầu tư
dự án), được thực hiện tại xã Bưng Riềng, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa

Vững Tầu với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của Chủ đầu tư dự án

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.
3. Chỉ được triển khai dự án khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án, thực hiện tuân thủ các quy định trong lĩnh vực xây dựng và các lĩnh vực khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.
2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, giám sát, bảo đảm dự án tuân thủ các quy định về khoảng cách an toàn thuộc lĩnh vực quản lý.
3. Giao Ủy ban nhân dân huyện Xuyên Mộc trong quá trình thẩm định và phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 của dự án có trách nhiệm rà soát khoảng cách an toàn từ các hạng mục công trình thuộc trang trại nuôi heo nái sinh sản đến hồ Sông Hỏa đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn nước hồ Sông Hỏa, phù hợp Quy chuẩn và các quy định liên quan; chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân xã Bung Riềng theo dõi, giám sát việc thực hiện các cam kết bảo vệ môi trường, quản lý chất thải của Chủ đầu tư dự án trong quá trình triển khai thực hiện nhằm đảm bảo không gây ảnh hưởng đến các đối tượng xung quanh.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Xuyên Mộc, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ đầu tư dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Công ty TNHH MTV Đức Toàn Tâm - Chủ ĐT dự án;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã Bung Riềng;
- Chi cục BVMT;
- Lưu: VT, HS, KT7.





Phụ lục

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án Trang trại chăn nuôi heo nái sinh sản tại xã Bưng Riềng, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

(Kèm theo Quyết định số 732 QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2021
của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án

Trang trại chăn nuôi heo nái sinh sản - Công ty TNHH MTV Đức Toàn Tâm.

1.2. Chủ dự án

Tên chủ dự án: Công ty TNHH MTV Đức Toàn Tâm.

Địa chỉ liên hệ: Lầu 1, Khu phố 13, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện: Hà Huy Dương Chức vụ: Giám đốc.

1.3. Phạm vi, quy mô, công suất dự án

Đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi heo nái sinh sản tại xã Bưng Riềng, huyện Xuyên Mộc, với diện tích khoảng 125.249 m², quy mô chăn nuôi 2.400 con heo nái sinh sản theo công nghệ chuồng lạnh, cung cấp heo giống cho thị trường trong tỉnh và vùng lân cận với công suất khoảng 52.800 con heo giống/năm.

1.4. Các hạng mục công trình của dự án

1.4.1. Cân bằng sử dụng đất khu vực dự án

Số TT	Thành phần đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ %
I	Đất xây dựng công trình	15.711	12,54%
1	Khu A: Khu sản xuất	14.229	
2	Khu B: Khu Điều hành	1.482	
II	Đất giao thông	4.734	3,78%
III	Đất cây xanh	81.901	65,39%
IV	Đất mặt nước	22.903	18,29%
	Tổng	125.249	100,00%

1.4.2. Các hạng mục công trình chính đã xây dựng:

Ký hiệu	Công trình
A1	Nhà heo mang thai
A2	Nhà heo nái đẻ
A3	Nhà heo nọc
A4	Nhà chờ
A5	Nhà heo cách ly số 1
A6	Nhà heo cách ly số 2
A7	Nhà phát điện
A8	Nhà kho dụng cụ
A9	Nhà kho cám heo con
A13	Si lô cám thường
A14	Nhà xuất heo loại

1.4.3. Các hạng mục công trình tiếp tục thực hiện:

1.4.3.1. Thi công 03 hồ chứa nước thải sau xử lý H9, H10, H11 (hồ nhân tạo).

H9: (D x R x S) 30 x 10 x 4m = 1.200m³.

H10: (D x R x S) 60 x 20 x 4m = 4.800m³.

H11: (D x R x S) 60 x 40 x 4m = 9.600m³.

Tổng thể tích 03 hồ là 15.600m³.

Hồ chứa nước thải sau xử lý được xây đê bao với chiều cao 1m, chiều rộng chân đê 3,5m, chiều rộng mặt đê 1,5m. Thực hiện chống thấm đáy các hồ chứa nước thải sau xử lý bằng phương pháp kết hợp lớp đất sét chống thấm dày 400mm và lớp vải địa kỹ thuật HDPE 0,75mm phía trên.

1.4.3.2. San nền Dự án

- Không cho nước thải của trang trại chảy về phía hồ sông Hỏa nếu có sự cố về hệ thống xử lý nước thải.

Hướng thoát nước mưa chảy tràn: Về phía Đông Bắc và Đông Nam của khu đất.

- Tổng diện tích khu đất: 125.249 m²

- Tổng diện tích khu vực san lấp: 86.586 m²

- Tổng diện tích khu vực giữ nguyên nền hiện trạng: 38.663 m²

(Các thông tin về dự án nêu trên căn cứ theo nội dung mô tả trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án)

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án



Các giai đoạn thực hiện	Các hoạt động	Các yếu tố môi trường có khả năng phát sinh
1	2	3
Chuẩn bị, xây dựng	- Phát quang thảm thực vật khoảng 4.290m². - Vận chuyển nguyên vật liệu. - Tập kết, dự trữ, bảo quản nhiên liệu, nguyên vật liệu phục vụ thi công. - Thi công 03 hồ chứa nước thải sau xử lý với tổng lượng đất đào 17.160m³. - San nền dự án phần diện tích 86.586 m². - Sinh hoạt của công nhân làm việc tại công trường.	- Bụi, khí thải từ hoạt động của phương tiện thi công, san ủi mặt bằng, đào hồ chứa nước thải sau xử lý. - Tiếng ồn từ phương tiện thi công. - Nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn. - Chất thải rắn sinh hoạt. - Bụi, chất thải rắn, sinh khối thực vật, nước thải... - Các tác động đến kinh tế - xã hội.
Vận hành	- Hoạt động chăn nuôi. - Sinh hoạt của công nhân làm việc tại trang trại.	- Khí thải và mùi hôi phát sinh từ: lò đốt heo chết, máy phát điện dự phòng, hệ thống bể biogas, hệ thống xử lý nước thải, hoạt động chăn nuôi. - Nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi. - Rác thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi (phân heo), bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, xác heo chết, bao bì đựng thức ăn, chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.2.1. Chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Nước thải sinh hoạt: khoảng 2,0 m³/ngày.đêm, chứa các chất lơ lửng (SS), BOD₅, Amoni, coliform,...

2.2.2. Giai đoạn hoạt động

Nước thải sinh hoạt: khoảng $5,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ chứa các chất lơ lửng (SS), BOD_5 , Amoni, coliform,...

Nước thải từ hoạt động chăn nuôi: khoảng $180 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, thành phần chứa BOD_5 , COD, tổng N, TSS, ...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung

2.3.1. Chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung: phát sinh từ quá trình phát quang thảm thực vật, san gạt mặt bằng, thi công 03 hồ chứa nước thải sau xử lý, vận chuyển nguyên vật liệu, thi công xây dựng.

Khí thải: SO_2 , NO_x , CO, VOC,... phát sinh từ quá trình hoạt động của máy móc, thiết bị.

2.3.2. Giai đoạn hoạt động

Khí thải và mùi hôi phát sinh từ: lò đốt heo chết, máy phát điện dự phòng, hệ thống bể biogas, hệ thống xử lý nước thải.

Khí thải chủ yếu gồm: CH_4 , H_2S , NH_3 , SO_2 , NO_x , CO.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

2.4.1. Chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Sinh khối khoảng 38,61 tấn.

Khoảng 17.160 m^3 đất đào từ 03 hồ chứa nước thải sau xử lý.

Chất thải rắn sinh hoạt: khoảng 7 - 8 kg/ngày, thành phần: các chất hữu cơ, bao bì, vỏ chai lọ, thủy tinh,....

2.4.2. Giai đoạn hoạt động

Chất thải rắn sinh hoạt: 60 kg/ngày.

Phân heo: khoảng 3.764 kg/ngày.

Xác heo chết: khoảng 165 kg/đợt (1/2 tháng).

Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: khoảng 180 kg/ngày.

Bùn thải từ bể biogas: khoảng 640 kg/ngày.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn hoạt động tối đa khoảng 100 kg/tháng, bao gồm: dầu nhớt thải; bao bì thải, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại; chất thải có chứa các tác nhân lây nhiễm; hóa chất thải; pin, ắc quy thải; ...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Chuẩn bị mặt bằng, xây dựng



Nước thải sinh hoạt: Lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động với 02 hố tiêu để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân; Chủ đầu tư thuê đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý theo quy định.

Yêu cầu bảo vệ môi trường

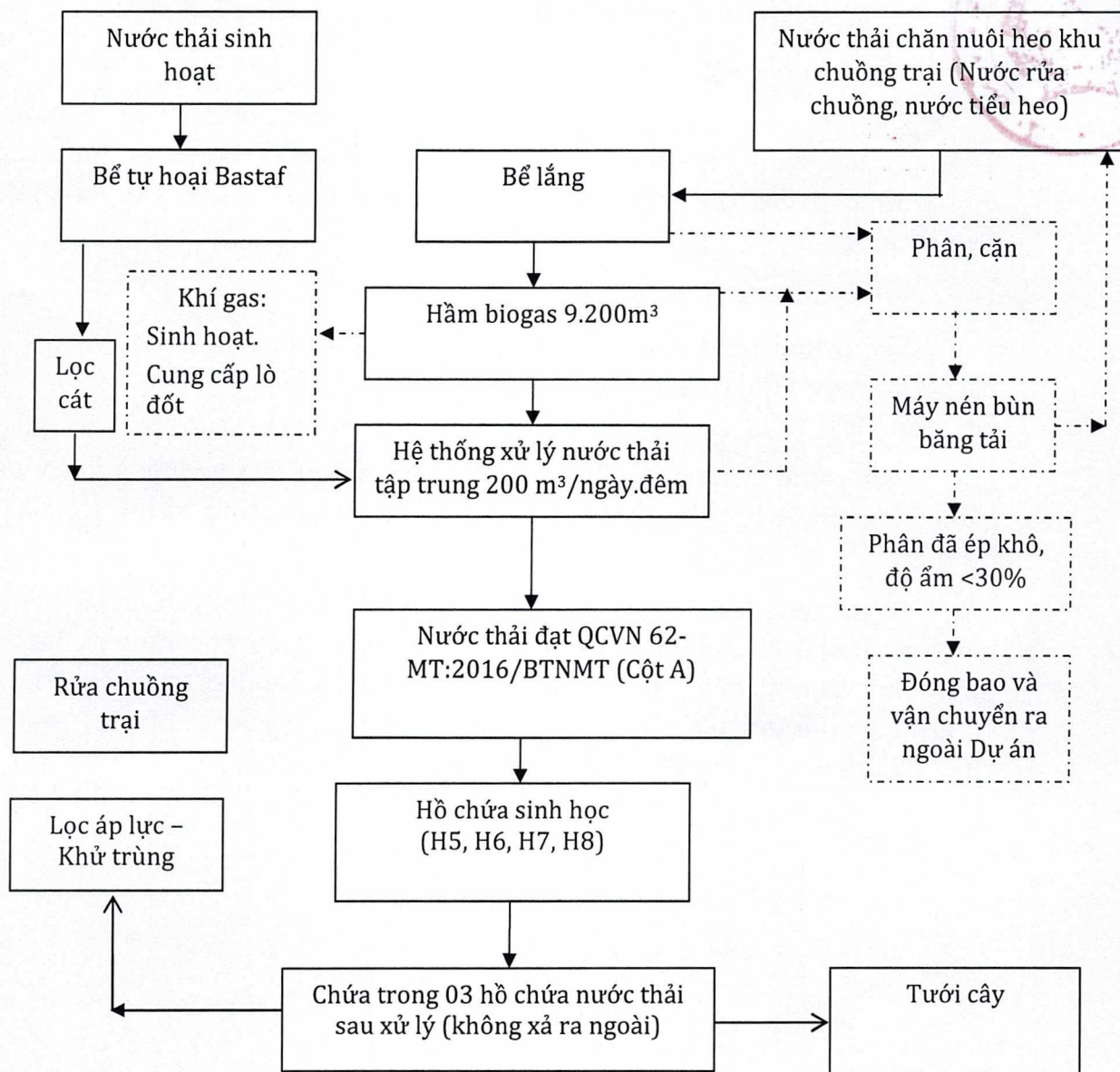
- Không thực hiện thoát nước thải sinh hoạt chưa xử lý ra môi trường. Tuân thủ theo các quy định có liên quan đến đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình; các yêu cầu về bảo vệ nguồn nước.

3.1.2. Giai đoạn hoạt động

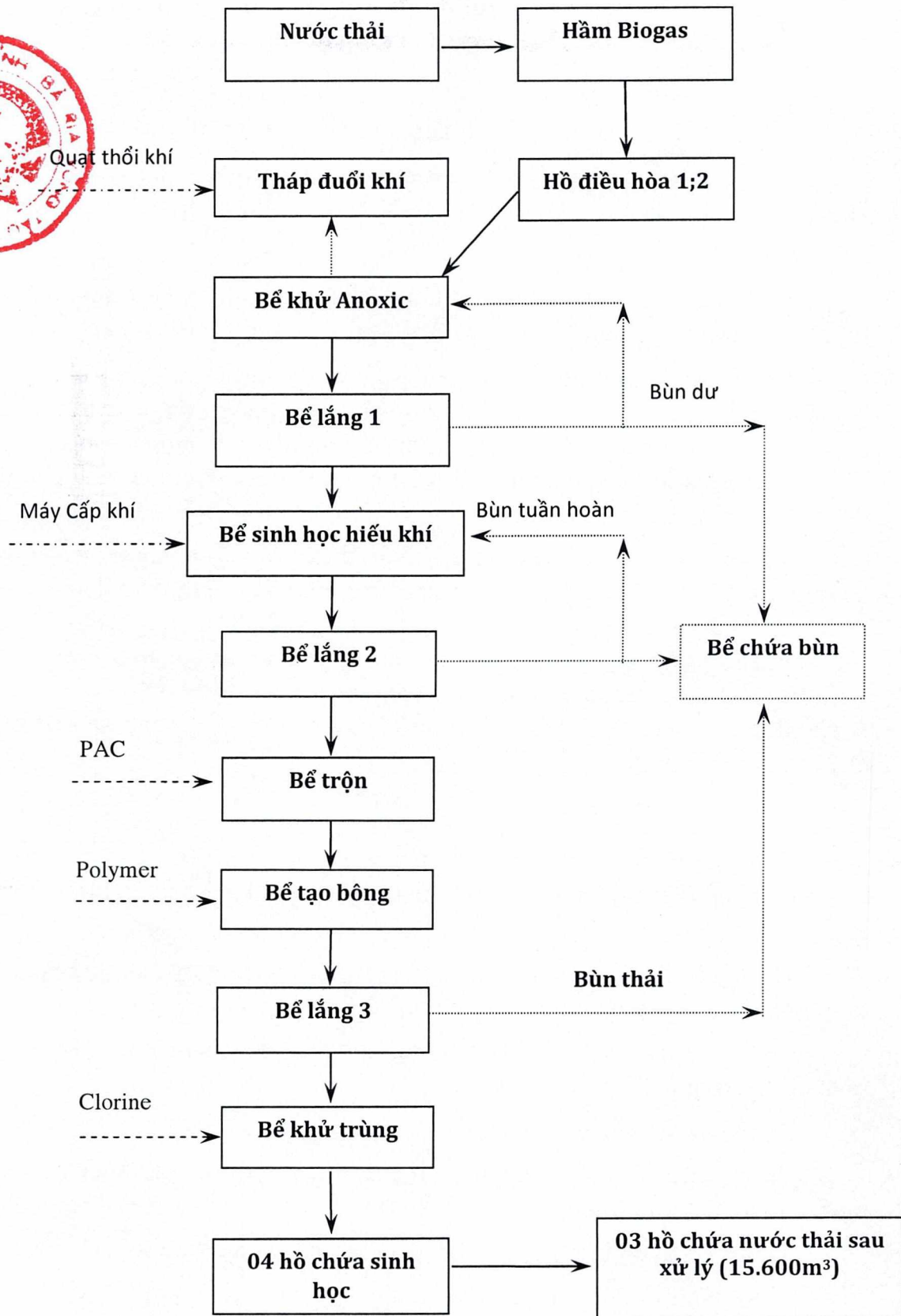
Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể bastaf kết hợp hệ thống lọc cát, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của trang trại.

Nước thải chăn nuôi: được thu gom và xử lý qua hệ thống xử lý nước thải bằng biogas kết hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất là 200 m³/ngày.

Phân heo được hốt ngay trên sàn heo hoạt động cho vào bao tải vận chuyển về nhà kho chứa phân hoặc chuyển giao ngay cho đơn vị thu mua làm phân bón. Lượng phân rơi từ trên sàn xuống nền chuồng và nước tiểu sẽ được công nhân rửa xối ngày 01 lần. Toàn bộ phân và nước tiểu theo nước rửa xối chảy vào rãnh rồi chảy vào hầm biogas.



Quy trình thu gom nước thải của dự án



Sơ đồ xử lý nước thải

Nước thải sau khi xử lý qua bể khử trùng đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột A) sẽ được đưa sang hồ chứa sinh học.

Hồ chứa sinh học:

- 04 hồ (H5, H6, H7, H8) có tổng dung tích là 16.500m³.
- Lu đầm đất sét toàn bộ phía đáy, mái taluy hồ và trải lớp vải địa kỹ thuật HDPE.
- Đắp bờ cao 1,5m.

Nước sau khi qua hồ chứa sinh học sẽ được bơm bằng đường ống đặt theo tuyến cố định vào 03 hồ chứa nước thải sau xử lý (H9, H10, H11).

Nước trong hồ chứa nước thải sau xử lý được sử dụng cho: Tưới cây (Loại cây trồng được lựa chọn là những cây cần nhiều nước như tre, chuối trong quá trình sinh trưởng để tăng lượng tiêu thụ nước); rửa nền chuồng trại ban đầu (Trước khi sử dụng để vệ sinh chuồng trại, nước được lọc qua bể lọc áp lực, sau đó xử lý vi sinh bằng Chlorine).

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Xây dựng và vận hành hệ thống thu gom, hệ thống biogas và hệ thống xử lý nước thải theo quy định, bảo đảm các yêu cầu về an toàn và các điều kiện vệ sinh môi trường; xây dựng quy trình vận hành hồ chứa sinh học với nguyên tắc luôn có hồ dự phòng khi có sự cố về hệ thống xử lý nước thải; có phương án theo dõi, kiểm soát hoạt động bơm nước thải sau xử lý từ hồ chứa sinh học vào hồ chứa nước thải sau xử lý, không xả thải nước thải chăn nuôi ra khỏi khuôn viên dự án.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Lắp đặt các rào an toàn xung quanh khu vực đào hồ chứa nước thải sau xử lý.

Dùng các thiết bị phun nước chống bụi vào các ngày nắng nóng, gió mạnh tại những khu vực phát sinh ra nhiều bụi.

Áp dụng các biện pháp thi công cuốn chiếu, hạng mục nào xong hạng mục đó. Không thi công dàn trải.

3.2.2. Giai đoạn hoạt động

Trồng thêm cây xanh ngăn cách các khu vực được quy hoạch nuôi heo và những phần đất còn trống.

Thường xuyên làm vệ sinh và phun nước tưới ẩm khu vực đường nội bộ.

Vận hành lò đốt xác heo chết đúng kỹ thuật, hệ thống lọc khí thải lắp đặt đồng bộ với lò đốt.

Đối với máy phát điện dự phòng: sử dụng loại nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp (0,25 - 0,5%); định kỳ bảo dưỡng, kiểm tra chất lượng hoạt động của máy phát điện; lắp đặt ống khói cao tối thiểu 12,3m.



Đối với mùi hôi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi: thường xuyên vệ sinh chuồng trại, bảo đảm yêu cầu phòng chống bệnh, giảm phát sinh mùi; hệ thống biogas phải bảo đảm kín, hệ thống ống dẫn khí bằng nhựa luôn được bảo quản, kiểm tra thường xuyên, thay đổi đường ống mới khi tuổi thọ đường ống đã đạt yêu cầu; sử dụng chế phẩm vi sinh.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình thực hiện dự án được xử lý đảm bảo theo các quy định hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Đề xuất nội quy và thỏa thuận chấp hành quy định về giữ gìn vệ sinh môi trường trong quá trình làm việc. Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng.

Chất thải từ phát quang cây cối, dọn dẹp mặt bằng (sinh khối): phân thân, cành và rễ cây sử dụng làm chất đốt; phần còn lại được chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng phù hợp thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

Đất đào dôi dư: tuân thủ quy định về quản lý tài nguyên khoáng sản.

3.3.2. Giai đoạn hoạt động

Chất thải rắn sinh hoạt: thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng.

Bao bì đựng thức ăn gia súc: thu gom, chuyển trả lại cho nhà cung cấp theo định kỳ.

Xác heo chết do ngạt và bị loại: thực hiện tiêu huỷ bằng lò đốt tại trang trại.

Phân heo, bùn sau bể biogas, bùn từ hệ thống xử lý nước thải: ép bằng máy ép bùn và đóng bao chuyển cho đơn vị có chức năng.

Nhà chứa phân tạm thời được bê tông hóa và trải lớp vải địa kỹ thuật chống thấm, có nền cao hơn khu vực xung quanh, tường bao quanh, có cửa ra vào và mái che đủ rộng để tránh nước mưa, thực hiện phun chế phẩm sinh học.

3.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý trong quá trình thi công, vận chuyển, xử lý chất thải đáp ứng các yêu cầu, quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định, yêu cầu khác về tận thu vật liệu san lấp và an toàn, bảo vệ môi trường.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh được thu gom toàn bộ về kho chứa trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định.

Hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.5. Biện pháp thu gom nước mưa chảy tràn

Thu gom về 04 hồ chứa nước mưa với diện tích khoảng 10.000m² và sâu khoảng 5,5m (các hồ H1, H2, H3, H4). Thể tích các hồ như sau:

Hồ H1: 14.207m².

Hồ H2: 12.210m³.

Hồ H3: 156.445m³.

Hồ H4: 15.400m³.

Tổng thể tích của 04 hồ chứa nước mưa là: 58.262m³.

Nước mưa được lưu trữ trong các hồ chứa để sử dụng cho việc tưới cây và một phần phục vụ cho vệ sinh chuồng trại sau khi xử lý bằng hệ thống lọc.

Đất cao nhất ở hướng phía hồ Sông Hòa.

3.6. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

Bố trí thời gian thi công hợp lý.

Tùy theo từng loại máy móc cụ thể để có biện pháp khắc phục độ rung.

Tạo cảnh quan môi trường, trồng cây xanh: trồng keo, trám đối với khu vực giáp ranh hàng rào trại, tiếp sau đó là trồng cây ăn quả, cây cảnh tạo cảnh quan. Phần đất cây xanh còn lại trồng như cây thủy trúc, cây sậy, chuối,... Trồng cây xanh cách ly khu vực chăn nuôi với khu xử lý chất thải.

Các khu vực có tiếng ồn lớn tại chuồng heo, máy bơm được bố trí riêng biệt với khu vực văn phòng.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường

3.7.1. Đối với hồ chứa nước thải sau xử lý

Phòng chống sự cố vỡ hồ chứa nước thải sau xử lý

- Không chứa nước cao hơn mực nước an toàn của hồ, cách đáy hồ tối đa 04m và cách mặt đê tối thiểu là 01m.

- Giữa các hồ chứa thiết kế và lắp đặt hệ thống ống cống đóng mở thông nhau để khi có sự cố sẽ nhanh chóng thoát nước từ các hồ bị sự cố sang hồ bên cạnh.

- Trường hợp sự cố xảy ra mà không thể sử dụng biện pháp thoát nước sang các hồ chứa nước thải sau xử lý bên cạnh, Chủ dự án trang bị sẵn máy bơm



và hệ thống ống dẫn nước mềm để bơm nước từ hồ chứa nước thải sau xử lý về hồ chứa nước mưa.

3.7.2. Sự cố đối với nước thải

Quá tải về nồng độ các chất trong nước thải đầu vào:

- Kiểm tra toàn bộ quy trình xử lý nước thải.
- Nhanh chóng tìm ra dòng nước thải có chất lượng không đạt yêu cầu và sửa chữa.

Quá tải về nồng độ các chất trong nước thải đầu ra (sau xử lý):

- Khi sự cố xảy ra, tiến hành đóng mương thoát nước thải và thu hồi lượng nước thải chưa đạt tiêu chuẩn đưa về hồ chứa sinh học dự phòng.
- Xác định nguyên nhân xảy ra sự cố.
- Tiến hành khắc phục; dẫn nước từ hồ chứa sinh học dự phòng về hệ thống xử lý để xử lý lại; nước thải sau bể khử trùng được kiểm tra chất lượng trước khi đưa sang các hồ chứa sinh học.

Quá tải về lưu lượng nước thải do một hoặc một số công đoạn xử lý có sự cố, bị vượt quá lưu lượng xả thải thiết kế:

- Tiến hành dẫn nước thải về hồ chứa sinh học dự phòng.
- Giảm tải nước thải từ hệ thống chăn nuôi heo.
- Nhanh chóng khắc phục sự cố và sẽ ngừng tiếp nhận nước thải nếu không thực hiện được công tác khắc phục.
- Khi lưu lượng đưa vào hệ thống xử lý đã nằm ở ngưỡng an toàn (Xác định bằng đồng hồ đo lưu lượng) thì tiến hành bơm nước từ hồ chứa sinh học dự phòng về lại hệ thống xử lý nước thải để tiến hành xử lý.

3.7.3. Sự cố trong quá trình vận hành hệ thống biogas

- Trong trường hợp thừa gas trong hầm biogas, Chủ dự án sẽ cho công nhân vận hành hệ thống đốt khí gas liên tục để giảm thiểu sự cố dư gas trong hầm có thể gây nổ hầm biogas.

- Thường xuyên bảo trì bảo dưỡng hầm biogas, trong trường hợp xảy ra cháy nổ thực hiện ngay công tác bơm dẫn theo vòi nước phun chữa cháy. Báo cáo cơ quan chức năng trong trường hợp đám cháy vượt quá khả năng ứng cứu.

- Trong quá trình vận hành hầm biogas, công nhân phải mở nắp hầm biogas khoảng 1-2 giờ đồng hồ để giảm khí metan trước khi phun nước phá váng hoặc báo cho kỹ thuật viên thuê đơn vị có chức năng sử dụng xe hút bể phốt và máy bơm chuyên dụng phá váng, không được tự xuống hầm ủ biogas.

- Các đường ống dẫn khí gas, van sẽ được kiểm tra và bảo dưỡng thường xuyên. Tuân thủ các quy định về an toàn - phòng chống cháy nổ.

3.7.4. Sự cố cháy nổ

- Huấn luyện thường xuyên cho công nhân và đội phòng chống sự cố của Trại chăn nuôi heo nhằm duy trì khả năng giải quyết tại chỗ.

- Tại các nơi dễ cháy nổ, lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống thông tin, báo động. Các phương tiện phòng cháy chữa cháy được kiểm tra bảo dưỡng định kỳ và luôn ở trong tình trạng sẵn sàng.

- Các máy móc thiết bị làm việc ở nhiệt độ và áp suất cao đều có hồ sơ lý lịch được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ.

- Các loại nhiên liệu được lưu giữ trong kho được cách ly, tránh xa nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện. Khoảng cách an toàn giữa các công trình bảo đảm để ô tô cứu hỏa có thể tiếp cận dễ dàng.

- Cán bộ, công nhân viên trang trại không được hút thuốc, không mang bật lửa, các dụng cụ phát ra lửa trong khu vực dễ cháy.

- Hệ thống thu sét tại các điểm cao công trình sẽ được lắp đặt theo quy phạm của pháp luật.

3.7.5 Sự cố về dịch bệnh

- Thực hiện đúng các quy định, quy trình trong chăn nuôi, biện pháp tiêu độc, khử trùng, vệ sinh thức ăn và nước uống, vệ sinh phòng bệnh.

- Khi xảy ra dịch bệnh phải báo cáo với cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn trong việc phòng chống dịch bệnh.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

Số TT	Công trình bảo vệ môi trường	Số lượng
1	Hoạt động chuẩn bị, xây dựng - Bố trí nhà vệ sinh lưu động cho công nhân thi công.	01 nhà vệ sinh di động
2	Hoạt động chăn nuôi	
	- Kho chứa chất thải (4 x 2,5m) (chia làm 02 ngăn chứa chất thải thông thường và chất thải nguy hại)	01
	- Hệ thống bể tự hoại Bastaf 6m ³ /ngày	01
	- Hệ thống biogas, thể tích 15.000m ³ .	01
	- Hệ thống xử lý nước thải 200 m ³ /ngày.đêm.	01
	- Hồ chứa sinh học	04 hồ sinh học tổng thể tích 16.500 m ³



Số TT	Công trình bảo vệ môi trường	Số lượng
	- Hồ chứa nước thải sau xử lý chứa nước thải sau xử lý.	03 hồ tổng thể tích 15.600 m ³
	- Lò đốt xác heo chết kèm hệ thống thu gom và xử lý khí thải được trang bị đồng bộ	01
	- Máy ép phân heo, bùn thải	01

5. Chương trình giám sát môi trường

5.1. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn chuẩn bị, xây dựng

Giám sát chất thải rắn

- Vị trí: khu vực thi công 03 hồ chứa nước thải sau xử lý.
- Chỉ tiêu giám sát: giám sát việc lưu trữ, thành phần, khối lượng và ký kết hợp đồng với các đơn vị có chức năng chứng từ thu gom, xử lý.
- Tần suất: 01 lần/ giai đoạn thi công

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm

Thực hiện việc giám sát chất thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

5.3. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn hoạt động

5.3.1. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Vị trí: Toàn dự án và kho lưu chứa.
- Thông số: Giám sát việc lưu trữ, thành phần, khối lượng và ký kết hợp đồng với các đơn vị có chức năng, chứng từ thu gom, xử lý.
- Tần suất: 3 tháng/lần.
- Quy định tuân theo: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

5.3.2. Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: đầu vào trạm xử lý nước thải và đầu ra trạm xử lý nước thải sau bể khử trùng.
- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, TSS, tổng N, tổng

coliform.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột A).

5.3.3. Giám sát khí thải

- Vị trí giám sát: Ống khói lò đốt xác heo.
- Thông số giám sát: Bụi tổng, CO, SO₂, oxyt Nitơ, NO_x (tính theo NO₂).
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần (tại thời điểm lò đốt đang hoạt động)
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án phải thực hiện các yêu cầu sau:

6.1. Chủ dự án phải cam kết thực hiện nghiêm Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật Việt Nam. Thực hiện thi công xây dựng dự án theo đúng thiết kế, phương án thi công,... được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định/phê duyệt theo quy định.

6.2. Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

6.3. Thực hiện tuân thủ Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 23/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quy định về phân vùng phát thải khí thải, xả nước thải theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trên địa bàn tỉnh.

6.4. Trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường, phải lập tức dừng ngay mọi hoạt động, báo cáo UBND xã Bưng Riềng, UBND huyện Xuyên Mộc, Sở Tài nguyên và Môi trường, kịp thời ứng phó sự cố, khắc phục hậu quả và đền bù mọi thiệt hại xảy ra đối với các đối tượng bị tác động bởi hoạt động của dự án.

6.5. Kiểm tra, giám sát hoạt động thi công xây dựng và vận hành dự án bảo đảm không gây tác động tiêu cực đến môi trường, đến an toàn các hạng mục công trình dự án và các đối tượng xung quanh khác.

6.6. Thực hiện chương trình giám sát, quản lý môi trường đúng theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Định kỳ báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát theo đúng quy định.

6.7. Định kỳ 06 tháng/lần báo cáo tiến độ triển khai thực hiện dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát.